



Chương: 860

BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ CHI NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND phường Đường Hào)

STT	Nội dung	Tổng số					
			Phòng Văn hoá - Xã hội	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Mặt trận Tổ Quốc	Ban chỉ huy Quân Sự	Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp
A	B		2	3	4	5	17
I	Tăng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
	Lệ phí A						
	Lệ phí B						
							
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
2.1	Chi sự nghiệp						
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
2.2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
3.1	Lệ phí						
	Lệ phí A						
	Lệ phí B						
3.2	Phí						
	Phí A						
	Phí B						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	1.709.540.000					
1	Chi quản lý hành chính	1.709.540.000	960.000.000	457.540.000	82.000.000	20.000.000	190.000.000
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.709.540.000	960.000.000	457.540.000	82.000.000	20.000.000	190.000.000
1	Bổ sung kinh phí tổ chức Đêm hội trăng rằm 2026 Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	80.000.000	80.000.000				
2	Bổ sung kinh phí tuyên truyền, lắp đặt pano khẩu hiệu tuyên truyền mô hình " Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp" Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	20.000.000	20.000.000				

3	Bổ sung kinh phí triển khai công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo Chương 831, loại 340, khoản 341, nguồn 15	28.000.000		28.000.000			
4	Bổ sung kinh phí triển khai tuyên truyền chiến dịch làm sạch mã số thuế, tháo gỡ điểm nghẽn trong kinh doanh Chương 831, loại 340, khoản 341, nguồn 15	30.000.000		30.000.000			
5	Bổ sung kinh phí tổ chức kỷ niệm 96 năm ngày thành lập Hội LHPNVN và các hoạt động khác của Hội phụ nữ Chương 820, loại 340, khoản 361, nguồn 15	82.000.000			82.000.000		
	Hội nghị gặp mặt nữ cán bộ công chức, viên chức dịp 96 năm ngày thành lập hội LHPNVN Chương 820, loại 340, khoản 361, nguồn 15	45.000.000			45.000.000		
	Hội nghị triển khai KH thực hiện chương trình hành động thực hiện NQ ĐHDB phụ nữ toàn quốc lần thứ 14, nhiệm kỳ 2026-2031 Chương 820, loại 340, khoản 361, nguồn 15	10.000.000			10.000.000		
	Hội nghị triển khai thực hiện Đề Án " Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035" Chương 820, loại 340, khoản 361, nguồn 15	27.000.000			27.000.000		
6	Bổ sung kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc Phòng và An ninh cho đối tượng 4 năm 2026 Chương 810, loại 010, khoản 011, nguồn 15	20.000.000				20.000.000	
7	Bổ sung kinh phí đưa đoàn tham dự liên hoan " Giai điệu tuổi hồng và Thiếu nhi kể chuyện tình Hưng Yên năm 2026" Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	30.000.000	30.000.000				
8	Bổ sung kinh phí lắp biển hiệu các nhà trường Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	100.000.000	100.000.000				
9	Bổ sung kinh phí lắp biển hiệu cátô dân phố Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	200.000.000	200.000.000				
10	Bổ sung kinh phí triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các TDP trên địa bàn phường Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	130.000.000	130.000.000				
11	Bổ sung kinh phí triển khai thực hiện tổ chức bầu Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn phường Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	380.000.000	380.000.000				
12	Kinh phí tổ chức lễ dâng hương kỷ niệm 141 năm ngày Tướng quân Nguyễn Thiện Thuật giương cờ khởi nghĩa (29/9/1885- 29/9/2026) Chương 832, loại 340, khoản 341, nguồn 15	20.000.000	20.000.000				
13	Bổ sung kinh phí triển khai kế hoạch hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn phường Chương 831, khoản 340, loại 341, nguồn 15	350.000.000		350.000.000			
14	Bổ sung kinh phí thực hiện thống kê đất đai năm 2026 Chương 831, khoản 340, loại 341, nguồn 15	49.540.000		49.540.000			
15	Bổ sung kinh phí tham gia đại hội TDTT tỉnh Hưng Yên lần thứ X năm 2026 Chương 821, loại 220, khoản 221, nguồn 15	90.000.000					90.000.000
16	Bổ sung kinh phí tuyên truyền bầu cử Tổ trưởng tổ dân phố Chương 821, loại 220, khoản 221, nguồn 15	100.000.000					100.000.000
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ						
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						



2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo						
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo						
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
	Điều chỉnh giảm						
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
	Điều chỉnh tăng						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
	Điều chỉnh giảm						
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
	Điều chỉnh tăng						
5	Chi bảo đảm xã hội	-					
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
6	Chi các hoạt động kinh tế	-					
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (280)	-					
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
	Điều chỉnh giảm						
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
	Điều chỉnh tăng						
8	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin						
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					



	Điều chỉnh giảm						
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
	Điều chỉnh tăng						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình						
	Điều chỉnh giảm						
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
	Điều chỉnh tăng						
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	-					
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-					
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
11	Sự nghiệp thủy lợi						
	Điều chỉnh giảm						
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
	Điều chỉnh tăng						
12	Chi an ninh						
	Điều chỉnh giảm						
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-					
	Điều chỉnh tăng						
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1172569	1173150	1159265	1053630	1166132
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		0412	0412	0412	0412	0412